TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG KHÁNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HS-ST
Ngày: 31/03/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Thành Hải**

Các hội thẩm nhân dân: **1/ Ông Nguyễn Thế Nam**

2/ Ông Đinh Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Thành Hải**

- Đại diện VKSND thành phố Long Khánh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên

Ngày 31/03/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2022/TLST-HS ngày 07/01/2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/QĐXXST-HS ngày 14/02/2022; thông báo dời lịch xét xử số 04/TB-TA ngày 21/02/2022 và số 06/TB-TA ngày 08/3/2022 đối với các bị cáo:

1. LƯƠNG CÔNG N (N), sinh năm 1980, tại Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lương Công O, sinh năm: 1954 (chết); Con bà: Võ Thị L, sinh năm: 1954 (chết); Vợ: Trương Thị Hồng Đ, sinh năm: 1988; có 01 con: sinh năm: 2008; Tiền án: không.

Tiền sự:

Ngày 13/11/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố L áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai, thời hạn 14 tháng. Chấp hành xong ngày 30/3/2021.

Nhân thân:

+ Năm 2002, bị Công an huyện P, tỉnh Phú Yên đưa vào cơ sở giáo dục 02 năm. Chấp hành xong ngày 03/9/2004.

+ Năm 2006, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong ngày 13/3/2007 (Đã được xóa án tích).

+ Năm 2009, bị Tòa án nhân dân thị xã L (nay là thành phố L) xử phạt 08 thán tù về tội "Đánh bạc". Chấp hành xong năm 2010 (Đã được xóa án tích).

+ Ngày 05/8/2013, có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị Công an thị xã Lbắt đưa đi cai nghiện tại X 14 tháng.

+ Ngày 31/5/2016, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong ngày 18/10/2017. (Đã được xóa án tích)

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 09/09/2021 đến ngày 18/9/2021 thì bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. LÊ VĂN T, sinh năm 1989, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Khu phố 01, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: phụ xe; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn T, sinh năm: 1954 (chết); Con bà: Võ Thị Thanh H, sinh năm: 1968; Vợ, con: chưa có; Tiền án: không.

Tiền sự:

Ngày 22/02/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã L (nay là thành phố L) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai, thời hạn 24 tháng. Chấp hành xong ngày 10/8/2020.

Nhân thân:

+ Năm 2010, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L (nay là thành phố L) ra quyết định đưa đối tượng 06/CP vào trung tâm chữa bệnh thời hạn 24 tháng. Chấp hành xong năm 2012.

+ Ngày 17/10/2013, bị UBND thị xã L đưa vào cơ sở chữa bệnh về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" thời hạn 24 tháng theo quyết định số 233/QĐ-UBND, chấp hành xong ngày 07/10/2015.

+ Ngày 17/6/2017, bị UBND phường X, thị xã L áp dụng biện pháp giáo dục tại phường về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn 03 tháng theo quyết định số 113/QĐ-UBND, chấp hành xong ngày 17/9/2017.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 09/09/2021 đến ngày 18/9/2021 thì bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Người bị hại:

1. Ông **Cao Văn H**, sinh năm: 1966

Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

2. Bà **Trần Thị T**, sinh năm: 1970

Địa chỉ: K4, ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Trần Q**, sinh năm: 1958

Địa chỉ: Khu phố S, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

2. Ông **Trịnh Tuấn H**, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Khu phố C, phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

3. Anh **Nguyễn Tấn P**, sinh năm: 1996

Địa chỉ: Đường số 10, khu phố N, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

4. Anh **Nguyễn Công T**, sinh năm: 1995

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 24/8/2021, N và T rủ nhau đi đến xã B, huyện X để tìm tài sản trộm cắp. T lấy xe mô tô biển số 60B2-673.95 của mẹ ruột là bà Vũ Thị Thanh H, sinh năm 1968, ngụ tại khu phố 1, phường X, thành phố L và đưa cho N điều khiển chở T từ phường B, thành phố L đi theo hướng ra quốc lộ 1A đi đến xã B, huyện X. Khi đi đến khu vực ngã ba T, phường X, thành phố L, thấy một nhà dân có treo 01 lồng chim cu gáy nên N nói T đi vào lấy trộm. T lén lút vào lấy trộm lồng chim cu gáy mang ra ngoài, N đem giấu vào bụi cây ở ven đường rồi tiếp tục đi. Khi đến kho trái cây T của chị Trần Thị T, sinh năm 1970, ngụ tại ấp B, xã X, huyện X thấy bên trong có người đang ngủ nên N dừng xe lại trèo rào vào tìm tài sản để trộm cắp, T đứng ngoài chờ. Khi vào trong, N thấy 01 máy tính xách tay hiệu Dell và 01 chuột máy tính để ở trên bàn nên đã lấy trộm đưa ra ngoài rồi cùng T điều khiển xe chạy về hướng thành phố L. Khi đi đến cây xăng T thuộc khu phố N, phường X, thành phố L, N thấy ở dãy trọ bên cạnh cây xăng có 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave Alpha màu đỏ, biển số 60B2-586.39 của ông Cao Văn H, sinh năm 1966, ngụ tại ấp H, xã H, thành phố L đang để phía trước nên lén lút lấy trộm rồi cùng T đưa các tài sản đã trộm cắp được về nghĩa địa N, phường B, thành phố L cất giấu. Sau đó, N mang máy tính và lồng chim cu bán cho ông T, sinh năm 1958, ngụ tại khu phố S, phường B, thành phố L được 1.200.000 đồng. Ông Q mang máy tính nêu trên bán cho ông Trịnh Tuấn H, sinh năm 1973, ngụ tại khu phố C, phường S, thành phố L với giá là 2.200.000 đồng. Đối với chiếc xe mô tô nói trên, N được Nguyễn Tấn P sinh năm 1966, ngụ tại khu phố N, phường B, thành phố L giới thiệu đem cầm cố cho Nguyễn Công T, sinh năm 1995, ngụ tại ấp 1, xã B, thành phố L với giá là 6.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính từ việc trộm cắp tài sản, N chia cho T 2.500.000 đồng, trả tiền công giới thiệu cho P 1.200.000 đồng, còn lại N tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 09/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với N và T, thu hồi toàn bộ tang vật của vụ án.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 60/HĐĐGTSTTTHS ngày 10/9/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự kết luận: Một xe gắn máy hiệu Honda Wave @, màu đỏ - đen – bạc, biển số 60B2-589.39, số máy 0630533, số khung 655369, xe đã qua sử dụng. Thời điểm ngày 24/8/2021, có giá trị là 14.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 62/HĐĐGTSTTTHS ngày 17/9/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự thành phố L kết luận: Một máy tính xách tay hiệu Dell V- Inter Core i3- 3217U, màu đen đã qua sử dụng. Thời điểm ngày 24/8/2021, có giá trị là 4.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 63/HĐĐGTSTTTHS ngày 17/9/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự thành phố L kết luận:

1/ Một con chim cu xám, còn sống. Thời điểm ngày 24/8/2021, có giá trị là 200.000 đồng.

2/ Một lồng chim hình bầu dục, bằng nhôm, kích thước 15x25, đã qua sử dụng. Thời điểm ngày 24/8/2021, có giá trị là 50.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 72/HĐĐGTSTTTHS ngày 06/12/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự thành phố L kết luận:

01 điện thoại hiệu Iphone 8 plus đã qua sử dụng, thời điểm ngày 24/8/2021 có giá trị là 8.250.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 06/CT-VKS-HS ngày 07/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố các bị cáo Lương Công N, Lê Văn T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 – Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lương Công N, Lê Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

***** Về hình phạt:

- Đối với bị cáo N: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lương Công N từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Đối với bị cáo T: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

* Về vật chứng:

- 01 xe mô tô biển số 60B2-589.39, qua điều tra đã xác định được đây là xe mô tô thuộc sở hữu hợp pháp của anh Cao Văn H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh đã trả lại cho anh H.

- Đối với xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 60B2-673.95 qua điều tra xác định được đây là tài sản của bà Vũ Thị Thanh H (mẹ bị cáo N), cho N mượn để sử dụng, khi đưa xe cho N mượn, bà H không biết N mượn để sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã trả lại cho bà H.

- 01 máy tính Dell và 01 chuột máy tính qua điều tra đã xác định được đây là tài sản hợp pháp của chị Trần Thị T nêu Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị T.

- Đối với 01 con chim cu và 01 lồng chim, hiện chưa xác minh được chủ sở hữu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã tiến hành tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 plus hiện (chưa xác định được chủ sở hữu) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý sau.

- Đối với 01 điện thoại hiệu Samsung A30 qua điều tra xác định được đây là tài sản của Lương Công N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã trả lại cho N.

* Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Ông Trần Q yêu cầu bị cáo N phải trả lại cho mình 1.200.000 đồng số tiền mua máy tính xách tay và lồng, chim cu; Anh Nguyễn Công T yêu cầu bị cáo N trả lại số tiền 6.000.000 đồng tiền T cầm cố xe cho N. Hiện tại bị cáo N và bị cáo T đã đồng ý liên đới bồi thường thiệt hại nhưng chưa bồi thường, đề nghị buộc 02 bị cáo phải liên đới bồi thường.

Đối với số tiền 1.200.000 đồng Nguyễn Tấn P nhận được từ việc giới thiệu cầm cố xe cho N hiện chưa thu hồi được do P vắng mặt tại địa phương.

* Lời nói sau cùng:

+ Bị cáo N: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã nhận ra lỗi của mình. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

+ Bị cáo T: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã ăn năn, hối lỗi. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình, làm một người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Thể hiện:

Do cần tiêu tiêu xài cá nhân nên khoảng 02 giờ 30 phút ngày 24/8/2021, Lương Công N và Lê Văn T rủ nhau đi trộm cắp tài sản dọc tuyến quốc lộ 1A từ X về L cụ thể như sau: Tại khu vực ngã ba T, phường X, thành phố L, N và T lén lút vào nhà một người dân (hiện không xác định được bị hại) trộm cắp 01 lồng chim cu gáy có tổng trị giá là 250.000 đồng. Khi đi đến kho trái cây T của chị Trần Thị T, sinh năm 1970, tại ấp B, xã X, huyện X, T và N lén lút trộm cắp 01 máy tính xách tay hiệu Dell và chuột máy tính có giá trị là 4.000.000 đồng. Cả hai tiếp tục đi đến cây xăng T thuộc khu phố N, phường X, thành phố L, T và N lén lút trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Wave Alpha, biển số 60B2-586.39 của ông Cao Văn H, sinh năm 1966, ngụ tại ấp H, xã H, thành phố L có giá trị là 14.000.000 đồng.

Như vậy, đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lương Công N, Lê Văn T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo N là người giữ vai trò chủ động rủ rê bị cáo T trộm cắp tài sản, trực tiếp vào lấy trộm tài sản, tiêu thụ tài sản. Bị cáo T là người đứng ở ngoài cảnh giới, giúp sức tích cực cho bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, mức hình phạt của bị cáo N phải cao hơn mức hình phạt của bị cáo T.

Các bị cáo là công dân có đủ nhận thức và năng lực, do không muốn lao động mà vẫn có tiền tiêu xài nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng:

Các bị cáo đều đã có 01 tiền sự, có nhân thấn xấu nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện các bị cáo chưa biết ăn năn, hối cải và xem thường pháp luật.

Các bị cáo có 02 lần trộm cắp với giá trị tài sản mỗi lần trên 2.000.000đ nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

[5] Về vật chứng: Đã giải quyết xong nên không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo N và bị cáo T phải liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Trần Q số tiền 1.200.000đ và anh Nguyễn Công T số tiền 6.000.000đ theo mức độ lỗi của mỗi bị cáo. (Do bị cáo N có vai trò lớn hơn nên phải chịu mức lỗi là 2/3, bị cáo T mức lỗi là 1/3).

[7] Đối với ông Trần Q, anh Trịnh Tuấn H và Nguyễn Tấn P, Nguyễn Công T đã mua và nhận cầm cố tài sản của N nhưng không biết các tài sản này là do N và T phạm tội mà có nên hành vi trên không cấu thành tội phạm.

Đối với hành vi cầm xe không chính chủ của Nguyễn Công T, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T là phù hợp.

Ngoài vụ trộm cắp tài sản vào ngày 07/9/2021, N còn trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 plus có giá trị là 8.250.000 đồng tại nhà anh Võ Lương K ở ấp B, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Hiện chưa xác định được chủ sở hữu điện thoại này nên và chưa làm việc được với anh K vì anh K vắng mặt tại nơi cư trú nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Đối với hành vi của các bị cáo trộm cắp 01 lồng chim cu gáy có tổng trị giá là 250.000 đồng. Do chưa xác định được người bị hại nên kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L tiếp tục xác minh, xử lý sau.

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức độ lỗi của mỗi bị cáo.

[9] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phù hợp phần nhiều với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo **Lương Công N (N), Lê Văn T** phạm tội: **"Trộm cắp tài sản"**

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 53, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

*** Xử phạt:** Bị cáo **Lương Công N (N) 01 (một) năm 03 (ba) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/9/2021.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 53, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

*** Xử phạt:** Bị cáo **Lê Văn T 09 (chín) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/9/2021.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 587 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo N và bị cáo T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho:

+ Ông Trần Q số tiền là 1.200.000đ. (Cụ thể: Bị cáo N bồi thường 800.000đ; bị cáo T bồi thường 400.000đ)

+ Anh Nguyễn Công T số tiền 6.000.000đ (Cụ thể: Bị cáo N bồi thường 4.000.000đ; bị cáo T bồi thường 2.000.000đ).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

*** Về án phí**: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo N, bị cáo T phải có nghĩa vụ liên đới nộp 600.000đ án phí dân sự sơ thẩm. (Cụ thể: Bị cáo N nộp 400.000đ; Bị cáo T nộp 200.000đ)

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- Sở tư pháp ĐN;
- VKSND Tỉnh ĐN;
- VKSND TP.LK;
- CA TP.LK;
- THA TP.LK;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

Nguyễn Thành Hải